



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 10

Ngày 01 tháng 02 năm 2013

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-01-2013 - Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND về quy định điều kiện an toàn hoạt động của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người. 3
- 12-01-2013 - Chỉ thị số 02/2013/CT-UBND về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2013. 10

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 04-12-2012 - Quyết định số 6180/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. 13

Trang

28-12-2012 - Quyết định số 6660/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ. 35

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định điều kiện an toàn hoạt động của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Khoản 4 Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 928/TTr-SGTVT-GTT ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Công văn số 20741/SGTVT-GTT ngày 13 tháng 12 năm 2012; Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Công văn số 3851/STP-VB ngày 05 tháng 9 năm 2012),

### QUYẾT ĐỊNH:

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định điều kiện an toàn, cách xác định kích thước cơ bản, xác định sức chở, cách sơn vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người (phương tiện không thuộc diện phải đăng ký, đăng kiểm).

2. Quyết định này không áp dụng đối với các phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá, thể thao.

3. Hạn chế việc sử dụng bè (là phương tiện được ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác) để di chuyển trên đường thủy nội địa thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện thủy nội địa thô sơ là phương tiện không có động cơ, chỉ di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước.

2. Điều kiện an toàn là các điều kiện tối thiểu của phương tiện để đảm bảo an toàn khi phương tiện hoạt động.

3. Các kích thước cơ bản bao gồm: Chiều dài lớn nhất (ký hiệu  $L_{max}$ ), chiều rộng lớn nhất (ký hiệu  $B_{max}$ ), chiều cao mạn (ký hiệu  $D$ ).

4. Mạn khô của phương tiện khi chở hàng, chở khách là chiều cao của phần thân phương tiện từ mép nước đến mép boong (be) trên.

5. Sức chở của phương tiện là trọng tải toàn phần hoặc sức chở người của phương tiện ứng với vạch dấu mớn nước an toàn.

6. Áo phao cứu sinh là loại áo được chế tạo dùng để mặc, có tác dụng giữ người nổi trên mặt nước.

7. Dụng cụ cứu sinh cá nhân là thiết bị cứu sinh sử dụng cầm tay hoặc đeo trên người có tác dụng giữ cho người nổi trên mặt nước mà dụng cụ nổi đó vẫn giữ nguyên được hình dạng và đặc tính kỹ thuật trong suốt quá trình hoạt động ở dưới nước.

## **Điều 3. Xác định kích thước cơ bản, xác định sức chở của phương tiện, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện**

1. Xác định kích thước cơ bản của phương tiện:

a) Chiều dài lớn nhất ( $L_{max}$ ): Tính bằng mét, đo theo chiều dọc trên boong ở mặt phẳng dọc tâm từ mút lái đến mút mũi phương tiện;

b) Chiều rộng lớn nhất ( $B_{max}$ ): Tính bằng mét, đo theo chiều ngang trên boong ở mặt cắt rộng nhất của phương tiện;

c) Chiều cao mạn ( $D$ ): Tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép boong tại vị trí giữa chiều dài lớn nhất.

## 2. Xác định sức chở của phương tiện:

a) Đối với phương tiện chở hàng: Sức chở là khi hàng hóa, vật dụng cần thiết, người lái phương tiện (đến dưới 1 tấn) được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện ứng mạn khô của phương tiện tính từ mép boong trên đến mép nước phải đảm bảo 100mm;

b) Đối với phương tiện chở người: Sức chở là số người (từ 01 người đến 04 người) được xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện ứng mạn khô của phương tiện tính từ mép boong trên đến mép nước phải đảm bảo 200 mm.

## 3. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện:

Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều rộng 25mm, chiều dài 250mm nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài  $L_{max}$ ; cách mép boong 100mm đối với phương tiện chở hàng; cách mép boong 200mm đối với phương tiện chở người.

## Điều 4. Điều kiện an toàn

1. Thân phương tiện phải liền, chắc chắn, không bị thủng, không bị rò nước vào bên trong; phương tiện phải thấp một đèn có ánh sáng trắng ở nơi dễ nhìn khi hoạt động vào ban đêm; phương tiện chở người, phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện và có đủ dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

2. Phương tiện thủy nội địa thô sơ di chuyển bằng sức người phải có ít nhất 2 mái chèo; mái chèo phải chắc chắn, có độ dẻo, đàn hồi chịu lực để đẩy phương tiện. Đối với phương tiện di chuyển bằng sức gió phải có bánh lái, cột buồm vững chắc, giữ được ổn định phương tiện. Phương tiện di chuyển bằng sức nước phải có bánh lái.

3. Phương tiện phải được sơn vạch dấu mớn nước an toàn và không được chở người, chở hàng quá vạch mớn nước an toàn tương ứng.

## Điều 5. Điều kiện, vùng hoạt động của phương tiện

1. Có Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện đã được xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

2. Vùng hoạt động: Hoạt động ven bờ, cách xa tim luồng và cách mép bờ không quá 30m, đối với trường hợp di chuyển dọc tuyến; Không chạy trên sông, kênh, rạch có bề rộng lớn hơn 100m, đối với trường hợp di chuyển ngang tuyến.

3. Người lái phương tiện phải đủ 15 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, biết bơi, đã học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và được cấp giấy chứng nhận. Trường hợp sử dụng phương tiện vào mục đích kinh doanh thì độ tuổi của người lái phương tiện phải đủ 18 tuổi trở lên và không quá 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam.

### **Điều 6. Trách nhiệm của chủ phương tiện**

1. Đo kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đo; cung cấp số liệu nêu trên cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

2. Có trách nhiệm duy trì và bảo đảm các điều kiện an toàn của phương tiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này khi phương tiện hoạt động; trang bị đầy đủ số lượng áo phao hoặc dụng cụ nổi cá nhân khi tham gia giao thông.

3. Không giao phương tiện cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện.

4. Thông báo với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để xóa tên trong sổ theo dõi, quản lý đối với phương tiện giải bản.

### **Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý**

1. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm:

a) Phổ biến, thông báo cho chủ phương tiện biết để thực hiện trách nhiệm của mình tại Điều 6 của Quyết định này. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, quy định về phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm, cứu nạn, vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý. Hướng dẫn chủ phương tiện xác định số liệu tại Khoản 1 Điều 6 của Quyết định này.

b) Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn, tình hình hoạt động của phương tiện trên địa bàn; vào sổ theo dõi, quản lý của địa phương theo mẫu tại Phụ lục 1.

c) Định kỳ 06 tháng một lần, báo cáo tình hình hoạt động của các phương tiện trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết, cứu hộ, cứu nạn các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy nội địa (nếu có) đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ theo thẩm quyền thuộc địa bàn quản lý.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này. Định kỳ 06 tháng một lần, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải theo dõi, tổng hợp.

3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện khi có yêu cầu; tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của thành phố; tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ lái phương tiện, giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho người lái phương tiện. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, cấp chứng chỉ lái phương tiện, giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho người lái phương tiện.

4. Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tùy chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm được nêu tại Điểm c Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 60/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 8.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN (PHƯỜNG,...)****DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐỊA BÀN**  
(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần  
dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người)  
(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm )

Số thứ tự	Họ và tên chủ phương tiện	Địa chỉ chủ phương tiện	Năm, nơi đóng	Ngày kê khai	Kích thước ( $L_{\max}$ , $B_{\max}$ , D)	Sức chở (người, tấn)
1						
2						
...						



**TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO****BÁO CÁO TỔNG HỢP PHƯƠNG TIỆN**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần  
dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người)

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm )

TT	Nội dung	Chiếc	Tấn	Người	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Phương tiện đã có trước:</b>				
a	Phương tiện chở hàng				
b	Phương tiện chở khách				
<b>2</b>	<b>Phương tiện mới phát sinh trong kỳ:</b>				
a	Phương tiện chở hàng				
b	Phương tiện chở khách				
<b>3</b>	<b>Phương tiện xóa trong kỳ:</b>				
a	Phương tiện chở hàng				
b	Phương tiện chở khách				
<b>4</b>	<b>Tổng số phương tiện hiện có tính đến thời điểm báo cáo:</b>				
a	Phương tiện chở hàng				
b	Phương tiện chở khách				

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO**

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2013*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2013**

Trong những năm qua, phong trào hiến máu tình nguyện tại thành phố Hồ Chí Minh được duy trì thường xuyên liên tục, là một trong những hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện được triển khai sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và nhân dân thành phố. Năm 2012, phong trào hiến máu tình nguyện của thành phố đạt tỷ lệ cao so với các năm trước đã đáp ứng một phần nhu cầu về máu cấp cứu và điều trị cho bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố.

Nhằm đảm bảo đủ máu an toàn cho cấp cứu và điều trị bệnh nhân tại thành phố trong năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị, công ty, xí nghiệp, trường học, các đơn vị, lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phấn đấu đạt trên 180.000 đơn vị máu trong đó có 50% là túi máu 350ml - 450ml, chất lượng máu sạch, tốt đạt trên 94%.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố, các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, các công ty, xí nghiệp, trường học trên địa bàn thành phố có kế hoạch cụ thể vận động ít nhất 30% cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, sinh viên hiến máu tình nguyện trong năm 2013; đồng thời phối hợp với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) tổ chức tốt các địa điểm tiếp nhận máu tại cơ quan, đơn vị; bộ phận y tế các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và tuyển chọn người hiến máu đủ điều kiện tham gia hiến máu, phấn đấu đạt trên 68.000 đơn vị máu trong năm 2013.

3. Trung tâm Hiến máu nhân đạo và Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt trên 112.000 đơn vị máu đạt chất lượng máu tốt; tích cực tuyên

truyền vận động hiến máu tình nguyện phù hợp với nguyên tắc nhân đạo quốc tế Hội Chữ thập đỏ và thực hiện đúng chế độ bồi dưỡng sức khỏe đối với người hiến máu tình nguyện theo Thông tư số 21/2009/TT-BYT ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ Y tế.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài thành phố phối hợp với Hội Chữ thập đỏ thành phố có kế hoạch thông tin tuyên truyền, vận động nhân dân thành phố tích cực tham gia hiến máu tình nguyện trong năm 2013; đặc biệt là “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân hồng” năm 2013 theo hướng dẫn của Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam.

5. Đài Truyền hình thành phố phối hợp Trung tâm Hiến máu nhân đạo để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác hiến máu tình nguyện của thành phố, hàng năm nhân ngày 07 tháng 4 “Ngày toàn dân hiến máu tình nguyện”, ngày 14 tháng 6 “Ngày thế giới tôn vinh người hiến máu” mở chuyên mục “Hiến máu cứu người” và có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân trong các đợt cao điểm của chương trình hiến máu tình nguyện.

6. Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Truyền máu Huyết học phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hiến máu nhân đạo thực hiện các quy trình chuyển giao máu đạt số lượng, chất lượng theo yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật, trang thiết bị xét nghiệm, phân tích máu, để bảo đảm an toàn trong truyền máu cho bệnh nhân, đồng thời chỉ đạo các bệnh viện quận, huyện, y tế của các cơ quan Sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, công ty, xí nghiệp, trường học tích cực tham gia tuyên truyền vận động hiến máu.

7. Trung tâm Hiến máu nhân đạo có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ tiếp nhận máu; phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) kịp thời đề xuất tôn vinh, khen thưởng những tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện của thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố và các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, các trường học trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện công tác hiến máu tình nguyện của thành phố có hiệu quả và đạt chỉ tiêu trong năm 2013./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU  
HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2013**

<b>Số TT</b>	<b>Quận - huyện</b>	<b>Đơn vị</b>
1	Quận 1	4.600
2	Quận 2	2.800
3	Quận 3	4.600
4	Quận 4	3.600
5	Quận 5	4.600
6	Quận 6	5.300
7	Quận 7	3.900
8	Quận 8	5.300
9	Quận 9	4.400
10	Quận 10	4.600
11	Quận 11	4.700
12	Quận 12	4.400
13	Quận Phú Nhuận	4.200
14	Quận Bình Thạnh	6.600
15	Quận Gò Vấp	6.800
16	Quận Thủ Đức	6.400
17	Quận Tân Bình	5.500
18	Quận Tân Phú	5.000
19	Quận Bình Tân	6.500
20	Huyện Bình Chánh	5.600
21	Huyện Củ Chi	4.400
22	Huyện Hóc Môn	4.000
23	Huyện Nhà Bè	2.100
24	Huyện Cần Giờ	2.100
25	Trung tâm Hiến máu nhân đạo TP	68.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>180.000</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

---

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6180/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2012*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị  
(quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13,  
phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức**

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 196/2006/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3928/TTr-SQHKT ngày 23 tháng 11 năm 2012 về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch, tính chất của khu vực quy hoạch:**

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc địa bàn phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:

+ Phía Đông: giáp Rạch Đĩa.

+ Phía Tây: giáp dự án khu dân cư và công viên Hiệp Bình Phước.

+ Phía Nam: giáp rạch Ông Dầu.

+ Phía Bắc: giáp dân cư hiện hữu.

- Quy mô khu vực quy hoạch: 170,116167 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp khu dân cư xây mới xen cài.

**2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch:** Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch:** Viện Quy hoạch xây dựng - Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Danh mục các bản vẽ đồ án quy hoạch đô thị:**

- Thuyết minh tổng hợp;
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
  - + Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất tỷ lệ 1/10.000.
  - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá quỹ đất xây dựng tỷ lệ 1/2.000.
  - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000.
  - + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2.000.
  - + Bản đồ quy hoạch giao thông tỷ lệ 1/2.000.
  - + Bản đồ quy hoạch chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/2.000.
  - + Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000.
  - + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000.
  - + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000.

**5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:**

**5.1. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch:** 18.000 người (dân số hiện trạng năm 2010 là 2.500 người).

**5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:**

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Theo nhiệm vụ quy hoạch duyệt	Theo đồ án quy hoạch được duyệt
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m <sup>2</sup> /người		94,5
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở (đất dân dụng) trung bình toàn khu	m <sup>2</sup> /người	54 - 60	76,02

C				
Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở				
	- Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /người	28 - 30	51,85
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	4 - 5	5,3
	Trong đó:			
	+ Đất công trình giáo dục.	m <sup>2</sup> /người	-	3,3
	+ Trạm y tế.	m <sup>2</sup> /người	-	0,16
	+ Chợ.	m <sup>2</sup>	-	3.775
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (không kể 1 m <sup>2</sup> /người đất cây xanh trong nhóm nhà ở)	m <sup>2</sup> /người	Đất cây xanh - thể dục thể thao và cách ly: 8 - 10 (bao gồm cả đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan ven sông, rạch)	4,2 (không bao gồm đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan ven sông, rạch)
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km <sup>2</sup>	-	7,78
D				
Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị				
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	-	15,51
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	150 - 200	180
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	150 - 200	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	800 - 1.500	2.000
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1 - 1,5	1
E				
Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu				
	Mật độ xây dựng chung	%	30 - 35	30 - 50
	Hệ số sử dụng đất	lần	0,05 - 6,5	0,05 - 6,5
Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	2 - 3 tầng (đối với biệt thự, liên kế vườn)	21
	Tối thiểu	tầng	01	01



Ghi chú:

- Số tầng cao xây dựng bao gồm tất cả các tầng theo QCVN 03:2009/BXD, không kể lửng và mái che cầu thang (nếu có).

- Tùy theo vị trí, quy mô diện tích khu đất, chức năng công trình và tổ chức không gian kiến trúc tại khu vực, có thể xây dựng công trình với tầng cao tối đa 21 tầng nhưng cần phải phù hợp Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Đối với tầng cao công trình cho từng khu đất, lô đất sẽ được xem xét cụ thể theo định hướng thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tại khu vực được phê duyệt và các quy định hiện hành về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất về cây xanh, giáo dục, thương mại dịch vụ sẽ được tăng thêm khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư tại các khu đất sử dụng hỗn hợp trong khu vực đồ án quy hoạch.

## **6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:**

### **6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; căn cứ nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức và nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức đã được phê duyệt; giải pháp về sự phân chia và xác định các khu chức năng trong khu vực quy hoạch của đồ án như sau:

Toàn khu vực quy hoạch được phân chia thành 03 khu vực ở chính (đơn vị ở) bao gồm:

#### **Các đơn vị ở:**

- Đơn vị ở số 1 (khu vực phía Tây Bắc khu quy hoạch): là khu dân cư xây dựng mới thấp tầng (nhà ở liên kế, biệt thự vườn), khu dân cư hiện hữu chỉnh trang và chung cư cao tầng, có tổng diện tích là 61,7 ha. Dân số là 6.000 người; mật độ xây dựng: đối với chung cư cao tầng khoảng 40%, khu nhà ở thấp tầng khoảng 50% - 70%; tầng cao là 1 - 21 tầng.

- Đơn vị ở số 2 (khu vực phía Nam khu quy hoạch): là khu dân cư xây dựng mới thấp tầng (nhà ở liên kế, biệt thự vườn), khu hiện hữu chỉnh trang và chung cư cao

tầng, có tổng diện tích là 58,82 ha. Dân số là 7.000 người; mật độ xây dựng: đối với chung cư cao tầng khoảng 40%, khu nhà ở thấp tầng khoảng 50% - 70%; tầng cao là 1 - 20 tầng.

- Đơn vị ở số 3 (khu vực phía Đông khu quy hoạch): là khu xây dựng mới thấp tầng (nhà ở liên kế, biệt thự vườn), khu chung cư cao tầng (18 - 20 tầng) và khu hiện hữu chỉnh trang, có tổng diện tích là 49,59 ha. Dân số là 5.000 người; mật độ xây dựng: đối với chung cư cao tầng khoảng 40%, khu nhà ở thấp tầng khoảng 50% - 70%; tầng cao là 1 - 20 tầng.

Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang bao gồm khu nhà liên kế có sân vườn 2 - 5 tầng. Khu nhà biệt thự vườn (xây dựng mới) có khuôn viên đất 200m<sup>2</sup> - 400m<sup>2</sup>, bố trí các dạng nhà biệt thự đơn lập, song lập. Các khu nhà ở chung cư cao tầng bố trí ven Quốc lộ 13, tổ chức các khoảng công viên cây xanh xen cài trong từng đơn nguyên.

**a) Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (tổng diện tích các đơn vị ở: 136,84 ha):**

\* Các khu vực xây dựng nhà ở: diện tích 93,34 ha.

- Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang: 32,3 ha.

- Khu nhà ở xây dựng mới (trong đó bao gồm cả chung cư cao tầng và đất xây dựng nhà ở liên kế, biệt thự) khoảng 61,04 ha.

+ Nhà ở chung cư: 32,3 ha.

+ Nhà ở thấp tầng (nhà liên kế vườn và biệt thự vườn): 61,04 ha.

- Khu nhà ở trong các khu chức năng sử dụng hỗn hợp (chức năng ở kết hợp dịch vụ - thương mại,...): 5,58 ha.

\* Công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở:

Khu vực công trình dịch vụ công cộng khu vực: cần bố trí hợp lý giữa các khu nhà ở. Bao gồm 3 nhà trẻ và trường mẫu giáo, 1 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện hữu, phòng khám y tế, trung tâm dịch vụ thương mại quy mô nhỏ,... Các công trình công cộng bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý cho từng khu vực và tạo thành một hệ thống phục vụ thống nhất trong khu vực. Tổng diện tích các công trình dịch vụ công cộng là 9,55 ha bao gồm:

- Công trình giáo dục: 5,9 ha, trong đó:

+ Trường nhà trẻ mẫu giáo (xây dựng mới): 1,66 ha;

- + Trường tiểu học (xây dựng mới): 0,84 ha;
- + Trường trung học cơ sở (xây dựng mới): 2,6 ha;
- + Cụm trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (hiện hữu): 0,797 ha;
- Công trình thương mại dịch vụ: 0,38 ha.
- Trạm y tế: 0,28 ha.

\* Các khu vực xây dựng các khu cây xanh công viên, vườn hoa đô thị - kết hợp tập luyện thể dục thể thao:

- Khu cây xanh - thể dục thể thao bố trí tập trung xen cài giữa các nhóm ở nhằm hình thành các khu vực giải trí, vui chơi cho người dân, làm tăng cảnh quan và tạo nên sự phong phú cho đô thị và nhằm cải tạo môi trường xung quanh.

- Tổng diện tích cây xanh - thể dục thể thao (không kể phần cây xanh cảnh quan ven sông rạch) là 7,56 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 4,45% diện tích toàn khu quy hoạch. Tại mỗi khu ở có bố trí một công viên cây xanh với diện tích hợp lý.

\* Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: 26,04 ha.

\* Khu bến, bãi đỗ xe phục vụ đơn vị ở: 0,35 ha.

**b) Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở: 33,28 ha.**

\* Khu cây xanh sử dụng công cộng ngoài đơn vị ở: 8,21 ha, trong đó khu cây xanh cảnh quan ven sông, rạch, kênh: 8,21 ha;

\* Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên: trên mặt đất, trên cao, ngầm, đường sắt, đường thủy): 13,595 ha;

\* Diện tích mặt nước: 8,284 ha;

\* Khu sản xuất công nghiệp, kho tàng, bến bãi (chứa hàng hóa): 3,184 ha.

Các cơ sở công nghiệp hiện hữu giữ lại: 3,184 ha. Theo từng giai đoạn thực hiện quy hoạch, các xí nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm môi trường sẽ di chuyển ra khỏi khu dân cư và di dời đến các khu công nghiệp tập trung theo quy hoạch của thành phố. Các khu đất này sẽ được chuyển đổi thành đất sử dụng hỗn hợp: chung cư cao tầng kết hợp các công trình văn phòng - dịch vụ đô thị (đảm bảo dành một phần diện tích đất thích hợp (khoảng 50% diện tích) để bố trí các công trình công cộng - công viên cây xanh phục vụ cho khu ở cũng như cho toàn khu).

**6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	1.368.382,77	80,44
1	Đất nhóm nhà ở	933.360,85	54,87
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	322.922	
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	610.438,85	
	+ Đất nhóm nhà ở thấp tầng	523.084,3	
	+ Đất nhóm nhà ở chung cư cao tầng	31.602,6	
	+ Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	55.752	
2	Đất công trình dịch vụ đô thị	95.492,6	5,61
	- Đất giáo dục	59.033,4	
	+ Trường mầm non (xây dựng mới)	16.605,7	
	+ Trường tiểu học (xây dựng mới)	8.382	
	+ Trường trung học cơ sở (xây dựng mới)	26.072,7	
	+ Trường trung học cơ sở & trường trung học phổ thông (hiện hữu)	7.973	
	- Đất dịch vụ - thương mại (xây dựng mới)	3.775	
	- Đất y tế (xây dựng mới)	2.846	
	- Đất công trình công cộng đơn vị ở (xây dựng mới)	1.962,2	
	- Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (xây dựng mới - chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	27.876	
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	75.627,2	4,45
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	75.627,2	
	+ Đất cây xanh công viên - thể dục thể thao	47.751,2	
	+ Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	27.876	
4	Đất giao thông, bãi đỗ xe	263.902,17	15,51
	- Đất giao thông (đường cấp phân khu vực)	260.416,17	
	- Đất bãi đỗ xe	3.486	
B	Đất ngoài đơn vị ở	332.778,9	19,56
1	Đất cây xanh , mặt nước	164.987,4	9,7

	- Đất cây xanh cảnh quan ven sông, rạch	82.144,9	
	- Sông rạch	82.842,5	
2	Đất giao thông đối ngoại	135.950,5	7,99
3	Đất công nghiệp	31.841	1,87
	- Đất công nghiệp hiện hữu chính trang	31.841	
	Tổng cộng	1.701.161,67	100

**6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong các đơn vị ở:**

STT	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Chỉ tiêu sử dụng đất (m <sup>2</sup> /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
					Tối Thiểu	Tối đa	
1	1. Đất đơn vị ở khu I (diện tích: 617.029,6 m <sup>2</sup> ; dân số: 6000 người)	472.419,7					
	1.1. Đất nhóm nhà ở	343.735,2	57,29				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	128.822		70	2	5	3,5
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	214.913,2					
	+ Đất nhóm nhà ở thấp tầng và chung cư cao tầng	214.913,2		50 - 70	2	5 - 21 (*)	1,4 - 5
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	14.062	2,3				
	- Đất giáo dục	5.478,8	0,9				
	+ Trường mầm non (xây dựng mới)	5.478,8		40	1	3 (**)	1,2
	- Thương mại dịch vụ (xây dựng mới)	3.775		35	1	5	1,8
	- Phòng khám y tế (xây dựng mới)	2.846		35	1	3	1,05
	- Đất công trình công cộng đơn vị ở (xây dựng mới)	1.962,2		35	1	4	1,4
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	7.337,5	1,2				

	- Đất cây xanh công viên - thể dục thể thao	7.337,5		5	0	1	0,05
	1.4. Đất giao thông, sân bãi	107.285					
	- Đất giao thông (đường cấp phân khu vực)	103.799	8,25 km/km <sup>2</sup>				
	- Đất bãi đỗ xe	3.486					
	2. Đất ngoài đơn vị ở khu I	144.609,9					
	2.1 Đất cây xanh, mặt nước	96.261,9					
	- Đất cây xanh cảnh quan ven sông, rạch	36.883,4					
	- Sông rạch	59.378,5					
	2.2 Đất giao thông đối ngoại (Quốc lộ 13, đường D1)	48.348					
2	1. Đất đơn vị ở khu II (diện tích: 588.247m <sup>2</sup> ; dân số: 7000 người)	489.689,5					
	1.1. Đất nhóm nhà ở	376.455,1	53,8				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	189.153		70	2	5	3,5
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	187.302,1					
	+ Đất nhóm nhà ở thấp tầng	151.040		50 -70	2	5	1,4 - 3,5
	+ Đất nhóm nhà ở chung cư cao tầng	31.602,6		40	6	13	6,5
	+ Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	4.659,5		29	12	13	3,8
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	23.915,3	3,4				
	- Đất giáo dục	21.585,5	3,1				
	+ Trường mầm non (xây dựng mới)	5.230,5		40	1	3 (**)	1,2
	+ Trường tiểu học (xây dựng mới)	8.382		35	1	4	1,4

	+ Trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông (hiện hữu)	7.973		35	3	4	1,4
	- Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp) (**)	2.329,8		35	1	4	1,4
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	8.279,8	1,2				
	- Đất cây xanh cảnh quan, công viên - thể dục thể thao	5.950		5	0	1	0,05
	- Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	2.329,8		5	0	1	0,05
	1.4. Đất giao thông	81.039,4					
	- Đất giao thông (đường cấp phân khu vực)	81.039,4	7,59 km/km <sup>2</sup>				
	2. Đất ngoài đơn vị ở khu II	98.557,5					
	2.1 Đất cây xanh, mặt nước	41.696,5					
	- Đất cây xanh cảnh quan ven sông, rạch	27.610,5					
	- Sông rạch	14.086					
	2.2 Đất giao thông đối ngoại	56.861					
3	1. Đất đơn vị ở khu III	40.6273,6					
	1.1. Đất nhóm nhà ở	213.170,55	42,63				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	4.947		70	2	5	3,5
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	208.223,55					
	+ Đất nhóm nhà ở thấp tầng	157.131,1		50-70	2	5	1,4 - 3,5
	+ Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	51.092,5		19	5	20	3,8

1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị (diện tích: 495.885,07 m <sup>2</sup> ; dân số: 5000 người)	57.515,3	11,5				
- Đất giáo dục	31.969,1	6,4				
+ Trường mầm non (xây dựng mới)	5.896,4		40	1	3 (**)	1,2
+ Trường trung học cơ sở (xây dựng mới)	26.072,7		35	1	4	1,4
- Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp) (***)	25.546,2		35	1	4	1,4
1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	60.009,9	12,0				
- Đất cây xanh cảnh quan, công viên - thể dục thể thao	34.463,7		5	0	1	0,05
- Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	25.546,2		5	0	1	0,05
1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe	75.577,77					
- Đất giao thông (từ đường cấp phân khu vực)	75.577,77	7,42 km/km <sup>2</sup>				
2. Đất ngoài đơn vị ở khu III	89.611,5					
2.1 Đất cây xanh, mặt nước	27.029					
- Đất cây xanh cảnh quan ven sông, rạch	17.651					
- Sông rạch	9.378					
2.2 Đất giao thông đối ngoại (đường Quốc lộ 13, đường nối trên cao số 4 - Vành đai 2)	30.741,5					
2.3 Đất công nghiệp	31.841					
- Đất công nghiệp hiện hữu chính trang	31.841					
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.701.161,67</b>					



Ghi chú:

- (\*) Đối với nhóm nhà ở thấp tầng, tầng cao tối đa 05 tầng; đối với nhóm ở chung cư cao tầng, tầng cao tối đa 21 tầng.

- (\*\*) Đối với trường mầm non, tầng cao tối đa 03 tầng. Lưu ý: trong trường hợp thiết kế 03 tầng, cần phải đảm bảo an toàn và thuận tiện cho sinh hoạt của trẻ cũng như yêu cầu đưa đón trẻ hàng ngày và thoát nạn khi có sự cố. Trong trường hợp này, phương án thiết kế phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép tầng 03 không bố trí lớp học.

- (\*\*\*) Đối với diện tích đất các công trình dịch vụ công cộng trong các khu đất sử dụng hỗn hợp hiện nay chưa xác định chức năng công trình cụ thể. Do đó, khi thực hiện triển khai dự án trên các khu đất sử dụng hỗn hợp này, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần cân đối nhu cầu sử dụng theo định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đề xuất cho phù hợp. Tuy nhiên, cần ưu tiên bố trí các công trình giáo dục.

**Cơ cấu sử dụng đất trong các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp:**

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị			
	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
				Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở khu II-13 (diện tích: 9.319 m <sup>2</sup> ; dự báo quy mô dân số: 169 người)	1. Đất đơn vị ở khu II-13	9.319,0				
	1.1. Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	4.659,5	29	12	13	3,8
	1.2. Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	2.329,8	35	1	4	1,4
	1.3. Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	2.329,8	5	0	1	0,05

Đơn vị ở khu III-9 (diện tích: 64.820m <sup>2</sup> ; dự báo quy mô dân số: 770 người)	2. Đất đơn vị ở khu III-9	64.820,0				
	2.1. Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	32.410	19	5	20	3,8
	2.2. Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	16.205,0	35	1	4	1,4
	2.3. Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	16.205,0	5	0	1	0,05
Đơn vị ở khu III-10 (diện tích: 37.364,9 m <sup>2</sup> ; dự báo quy mô dân số: 444 người)	3. Đất đơn vị ở khu III-10	37.364,9				
	3.1. Đất nhóm nhà ở cao tầng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 50% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	18.682,45	19	5	20	3,8
	3.2. Đất công trình công cộng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	9.341,2	35	1	4	1,4
	3.3. Đất cây xanh trong khu đất sử dụng hỗn hợp (chiếm tỷ lệ 25% trong khu đất sử dụng hỗn hợp)	9.341,2	5	0	1	0,05
	Tổng cộng	111.503,9				

### 7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Giữ lại khu dân cư tập trung ổn định, tạo mạng lưới giao thông thông suốt cho toàn khu vực nghiên cứu với các khu lân cận và ngay trong từng ô phố. Các công trình công cộng hiện hữu được giữ lại, cải tạo với mật độ xây dựng và tầng cao xây dựng phù hợp với chức năng công trình. Đồng thời, bố trí thêm một số công trình giáo dục đảm bảo phục vụ cho người dân dựa trên nguyên tắc bảo đảm bán kính phục

vụ và hệ thống mạng lưới giáo dục của toàn khu, tận dụng những khu vực đất trống, dân cư thưa, di dời những nghĩa trang nhỏ, những cơ sở sản xuất ô nhiễm ra khỏi khu dân cư để tổ chức công viên cây xanh và bố trí công trình cao tầng.

- Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đô thị cải tạo bằng cách nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và xây dựng mới một số tuyến để nối kết các khu chức năng với nhau.

- Dọc trục giao thông chính và khu vực, nhằm tạo được bộ mặt kiến trúc đa dạng, phong phú, ưu tiên bố trí các công trình công cộng, chung cư cao tầng.

+ Đối với các khu vực hiện hữu: tại các khu dân cư được xác định là hiện hữu chính trang thực hiện theo các quy định quản lý kiến trúc đô thị tại Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố). Tuy nhiên, cần khống chế tầng cao tối đa trong khu vực hiện hữu là 5 tầng (không tính yếu tố cộng thêm). Đối với các khu nhà ở thuộc dạng cư xá (nếu có), các nhóm, khu nhà ở thuộc các dự án đầu tư xây dựng nhóm, khu nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt cần thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc đề xuất điều chỉnh hoặc lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

+ Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới, bố cục theo các khu vực trọng tâm, các tuyến - điểm:

\* Tại trung tâm các khu ở: bố trí các công trình công cộng (kết hợp công viên cây xanh nhằm nâng cao yếu tố cảnh quan) với hình thức kiến trúc và mặt đứng đa dạng phong phú, kết hợp các mảng cây xanh, không chỉ phục vụ cho nội khu mà còn đáp ứng nhu cầu cho cả các khu lân cận trong tương lai.

\* Ngoài các khu nhà ở thấp tầng bên trong khu vực, các khu nhà ở chung cư thấp tầng, cao tầng được tập trung ven trục giao thông lớn, tạo nên bố cục tuyến quy mô lớn, phù hợp với các trục giao thông lớn. Bố cục các đơn nguyên chung cư phù hợp điều kiện tự nhiên khí hậu và đạt yêu cầu về thẩm mỹ.

\* Các khoảng công viên kết hợp sân bãi sinh hoạt thể dục thể thao được bố trí như khoảng không gian đệm chuyển tiếp giữa các nhóm nhà ở và các phân khu chức năng.

\* Bố cục tuyến, điểm sẽ tạo ra những không gian sống sinh động và bền vững.

- Đối với các khu vực tập trung các công trình cao tầng trên các tuyến đường

chính, các trục thương mại dịch vụ, trong các giai đoạn tiếp theo, cần có nghiên cứu lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị khu vực cụ thể phù hợp cho từng khu vực riêng biệt (khu vực dọc Quốc lộ 13,...).

- Yêu cầu về kiến trúc công trình trong khu vực quy hoạch:

+ Khu vực quy hoạch phần lớn là khu dân cư hiện hữu cải tạo, tầng cao xây dựng 2 - 5 tầng. Dự kiến xây dựng khu nhà ở xây dựng mới với loại hình nhà ở chung cư cao tầng từ 9 - 15 tầng, khu hỗn hợp 20 - 21 tầng nhằm tạo điểm nhấn trong không gian đô thị.

+ Về khoảng lùi công trình so với ranh lộ giới (chỉ giới xây dựng) sẽ được xác định cụ thể cho từng khu vực, tuyến đường khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc các quy định về quản lý kiến trúc đô thị của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với nhà liên kế sân vườn và chung cư cao tầng, khoảng lùi công trình tính từ lộ giới đề nghị quy định: tối thiểu 3m đối với nhà liên kế sân vườn; tối thiểu 6m đối với chung cư cao tầng.

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 30% - 50%; đối với khu nhà chung cư: 35% - 40%; nhà biệt thự, nhà vườn: 30% - 50%, nhà phố liên kế: 70% - 90%, công trình công cộng: 40% và khu hỗn hợp: 40% - 50%.

+ Các công trình kiến trúc được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng, hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của khu đô thị.

## **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:**

- Tổ chức giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới theo đúng quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường, tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.

- Lộ giới các tuyến đường theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 9 năm 1995 và Quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Bảng tổng hợp quy hoạch mạng lưới đường**

STT	Tên đường	Chiều dài	Mặt cắt ngang đường (mét)			Lộ giới
		(mét)	Hệ trái	Lòng đường	Hệ phải	(mét)
A	Đường đối ngoại	3.153				

1	Quốc lộ 13	2.008	6.5	8 (2) 11.5 (4) 11.5 (2) 8	6.5	60
2	Đường nối Quốc lộ 13 - Cầu Thanh Đa	730	7.5	15	7.5	30
		415	7	9 (3) 9	7	35
B	Đường đô thị	8.883				
1	Đường số 4	622	4.5	11	4.5	20
2	Đường số 7	385	4	8	4	16
3	Đường số 9	471	4	8	4	16
4	Đường dọc sông Sài Gòn	612	7.5	15	7.5	30
5	Đường D2	432	7.5	15	7.5	30
6	Đường D3	853	5	15	5	25
7	Đường D4	572	5	15	5	25
8	Đường D'4	293	4.5	11	4.5	20
9	Đường D5	487	4.5	11	4.5	20
10	Đường D7	561	4.5	11	4.5	20
11	Đường D8	1,857	4	8	4	16
12	Đường D10	245	4	8	4	16
13	Đường D12	243	4	8	4	16
14	Đường D13	656	4	8	4	16
15	Đường D15	345	4	8	4	16
16	Đường D16	249	4	8	4	16
17	Đường khác (không kể các đường nhỏ, $LG \leq 12m$ )	197	4	8	4	16
	Tổng cộng	12.036				

Lưu ý:

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m thuộc quy hoạch hẻm, đề nghị Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức căn cứ theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể. Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo.

- Bán kính cong tại các giao lộ và chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án cụ thể.

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu cập nhật này.

## **8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:**

### **a) Quy hoạch chiều cao:**

- Cao độ xây dựng tối thiểu  $H_{xd} = 2,50m$  (hệ độ cao Hòn Dấu).

- Đối với khu vực địa hình tự nhiên thấp hơn  $+2,50m$ : cần nâng dần cao độ nền của khu vực đến cao độ thiết kế khi có điều kiện.

- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất.

- Độ dốc nền thiết kế: khu công trình công cộng, khu ở  $\geq 0,4\%$ ; khu công viên cây xanh  $\geq 0,3\%$ . Hướng đổ dốc: từ giữa các tiểu khu ra xung quanh.

### **b) Quy hoạch thoát nước mặt:**

- Tổ chức tuyến cống chính theo định hướng quy hoạch chung, cống 1500 dọc Quốc lộ 13, cống 1600x1600 đổ ra rạch nhánh phía Đông khu đất.

- Nguồn thoát nước: tập trung theo các cống chính, thoát về phía các rạch nhánh gần nhất rồi đổ ra sông Sài Gòn, rạch Đĩa và rạch Ông Dầu.

- Cống thoát nước mưa quy hoạch đặt ngầm, bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông trong khu vực; kích thước cống tính theo chu kỳ tràn cống  $T = 3$  năm (cống cấp 2) và  $T = 2$  năm (cống cấp 3, cấp 4), kích thước cống thay đổi từ  $\varnothing 800mm$  đến  $\varnothing 1500mm$ .

- Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu  $0,70m$ ; độ dốc cống tối thiểu được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch cống  $i=1/D$ .

## **8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:**

- Chỉ tiêu cấp điện: 2000 kwh/người/năm.

- Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Bình Triệu, dài hạn sẽ bổ sung từ trạm 220/110/15-22KV Hiệp Bình Phước xây dựng mới gần khu quy hoạch.

- Cải tạo các trạm biến áp 15/0,4KV hiện hữu, tháo gỡ các trạm ngoài trời, có công suất thấp, vị trí không phù hợp với quy hoạch.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng  $\geq 400\text{KVA}$ , loại trạm phòng.

- Cải tạo mạng trung thế hiện hữu, giai đoạn đầu nâng cấp lên 22KV, dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.

- Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.

- Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 - 250W - 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

#### **8.4. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn cấp nước: nguồn nước máy thành phố, từ tuyến Ø500 trên Quốc lộ 1.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

+ Khách vãng lai: 30 lít/người/đám cháy.

+ Công cộng - dịch vụ: 30 lít/người/đám cháy.

+ Tiểu thủ công nghiệp: 20 lít/người/ngày.

+ Tưới cây: 20 lít/người/ngày.

- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 10 lít/s/đám cháy, số đám cháy đồng thời: 1 đám cháy (theo TCVN 2622-1995).

- Tổng nhu cầu dùng nước: 6.590 - 7.900 ( $\text{m}^3$ /ngày).

#### **8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn**

##### **a) Thoát nước thải:**

- Giải pháp thoát nước bản: xây dựng mạng lưới thoát nước riêng, nước thải phân theo 2 lưu vực, về 2 trạm xử lý cục bộ, xử lý đạt QCVN 14:2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi thoát ra rạch.

- Tiêu chuẩn thoát nước:

+ Sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

+ Khách vãng lai: 30 lít/người/đám cháy.

+ Công cộng - dịch vụ: 30 lít/người/đám cháy.

- + Tiêu thụ công nghiệp: 20 lít/người/ngày.
- Tổng lượng nước thải: 5.040 - 6.048 (m<sup>3</sup>/ngày).

**b) Xử lý rác thải:**

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1 kg/người/ngày.
- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 18 tấn/ngày.
- Phương án thu gom và xử lý rác: rác được tập trung, thu gom về khu xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

**8.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:** Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

**Điều 2.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần lưu ý việc kiểm soát và không chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.



- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đề án này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tổng thể, phù hợp với nội dung đề án.

- Đối với nội dung bản đồ đánh giá môi trường chiến lược và Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị trình thẩm định và phê duyệt bổ sung sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn triển khai Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng.

- Về định hướng phân kỳ thực hiện các tuyến đường giao thông: cần có kế hoạch thực hiện cụ thể và công bố cho người dân được biết.

- Do chưa được hướng dẫn cụ thể của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về thông tin truyền thông, về nội dung quy hoạch thông tin liên lạc sẽ được cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình thẩm định và phê duyệt bổ sung sau khi được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cấm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

**Điều 3.** Quyết định này đính kèm các bản vẽ, thuyết minh đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu dân cư dọc Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận

tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Giám đốc Ban Quản lý dự án Quy hoạch Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6660/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế  
và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1454/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 12 năm 2012 và Tờ trình số 10334/TTr-VP ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này: 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính thay thế; 05 thủ tục hành chính bị thay thế; 03 thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,  
THAY THẾ VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6660/QĐ-UBND  
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	
1	Thủ tục về cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện/Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
<b>B. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN</b>	
2	Thủ tục Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế

**II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
2	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ (trong trường hợp bị mất, rách, nát)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>B. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN</b>	
3	Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ
4	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ
5	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ
6	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ

### III. Thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:

3.1. Thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	
1	Thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung ghi trên Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ (trừ trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi cơ quan quyết định thành lập hoặc thay đổi trụ sở chính - chuyển sang tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký hoạt động)
2	Thủ tục đăng ký thay đổi cơ quan quyết định thành lập hoặc trụ sở chính hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

3.2. Thủ tục hành chính bị thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính
<b>A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
1	048208	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ
2	048356	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính
3	048386	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên cơ quan thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp tổ chức khoa học và công nghệ
4	048405	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
5	048482	Thủ tục đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ

**IV. Thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:**

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính
<b>A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
1	048427	Thủ tục về gia hạn giấy chứng nhận hoạt động Khoa học Công nghệ
2	048492	Thủ tục đăng ký giải thể tổ chức khoa học và công nghệ
<b>B. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG</b>		
3	049699	Thủ tục Đăng ký xét duyệt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:****A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:****1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện/Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ****- Trình tự thực hiện:**

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (Chương IV - Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN), bao gồm:

- Đơn đăng ký hoạt động: lập theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN.

- Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh.

- Hồ sơ về người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: theo quy định về người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ tại Điều 5 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN.

- Hồ sơ về nhân lực, trụ sở chính của văn phòng đại diện, chi nhánh: theo quy định về hồ sơ nhân lực, trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN.

- Bản sao (có chứng thực hợp pháp) Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ chủ quản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 11 của Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM.

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí:** (Điều 2, Thông tư số 187/2009/TT-BTC)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ: 2.000.000 đồng/lần.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh): 300.000 đồng/lần

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện / Chi nhánh (Phụ lục VIII Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN).

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục II.a hoặc II.b Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN).

+ Danh sách nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục III Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN).

+ Lý lịch khoa học người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục VI Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN).

+ Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật (Phụ lục VII Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có



***- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

\* Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

\* Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

\* Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.

\* Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

**Phụ lục VIII****Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng Đại diện/Chi nhánh***(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN**ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố...

## 1. Tên văn phòng đại diện/chi nhánh:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Được ủy quyền bởi: *(ghi tên tổ chức khoa học và công nghệ)*

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số:

Cơ quan cấp:

ngày cấp:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Email:

## 3. Trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

## 4. Người đứng đầu văn phòng đại diện/chi nhánh:

Họ và tên:

Ngày sinh:

Giới tính:

Điện thoại:

Email:

CMND: số

ngày cấp:

nơi cấp:

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): số

ngày cấp:

nơi cấp:

5. Nội dung xin đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện/ lĩnh vực xin đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của chi nhánh: ghi tóm tắt *(căn cứ quyết định thành lập văn phòng đại diện/chi nhánh)*.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ đăng ký hoạt động.

Nếu được cấp Giấy chứng nhận hoạt động, tôi cam đoan hoạt động đúng nội dung trong Giấy chứng nhận, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh.

Xác nhận  
của tổ chức khoa học và công nghệ

....., ngày tháng năm  
Người đứng đầu  
Văn phòng đại diện/chi nhánh  
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục II.a**  
**Nội dung cơ bản của Điều lệ tổ chức**  
**và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

---

Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (*trừ trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập*) phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

**Chương I. Điều khoản chung**

Tên tổ chức khoa học và công nghệ: tên bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

Trụ sở chính: địa chỉ, điện thoại, fax.

Cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động: Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan...

**Chương II. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn**

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức khoa học và công nghệ phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức chủ quản.

**Chương III. Tổ chức bộ máy**

Cơ cấu tổ chức, thể thức bổ nhiệm và miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của các chức danh trong bộ máy lãnh đạo và các cơ quan khác (Hội đồng sáng lập, Hội đồng Viện/Trung tâm/..., Hội đồng khoa học, Hội đồng cố vấn) của tổ chức khoa học và công nghệ.

**Chương IV. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính**

Quy định về nguồn gốc cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức, nguyên tắc tăng giảm vốn hoạt động và các nguyên tắc về tài chính khác.

**Chương V. Giải thể**

Quy định rõ các điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể.

**Chương VI. Điều khoản thi hành**

Thời gian điều lệ có hiệu lực, điều kiện sửa đổi và bổ sung điều lệ.

**Phụ lục II.b****Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức  
khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN  
ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA... (ghi tên tổ chức khoa học và công nghệ)**

- Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;
- Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Viện/Trung tâm/...

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của Viện/Trung tâm/...**

Viện/Trung tâm/... là tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập, hoạt động theo Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ và các văn bản liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục tiêu hoạt động của Viện/Trung tâm/...

**Điều 2. Tư cách pháp nhân của Viện/Trung tâm/...**

**1. Tên:** ghi tên đầy đủ bằng tiếng Việt

*Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)*

*Tên đầy đủ và tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)*

**2. Trụ sở chính:** ghi địa chỉ, điện thoại, fax và email

Viện/Trung tâm/... có thể mở văn phòng đại diện, chi nhánh khi có nhu cầu. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tuân theo quy định của pháp luật.

**3. Người đại diện theo pháp luật của Viện/Trung tâm/...:** ghi chức danh của người đứng đầu (ví dụ Viện trưởng, Giám đốc)

**4. Vốn của Viện/Trung tâm/...:** ghi rõ vốn đăng ký hoạt động.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Viện/Trung tâm/...**

Viện/Trung tâm/... là tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản riêng bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Viện/Trung tâm/... hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự quản về mọi mặt. Trong hoạt động của mình, Viện/Trung tâm/... tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

**Điều 4. Thành viên sáng lập của Viện/Trung tâm/...**

1. Danh sách Thành viên sáng lập của Viện/Trung tâm/... được liệt kê kèm theo Điều lệ này.

2. Các thành viên sáng lập có thể tạo thành Hội đồng sáng lập. Ngay khi đi vào hoạt động, Hội đồng sáng lập chuyển thành Hội đồng Viện/Trung tâm/...

3. Viện/Trung tâm/... có thể chấp nhận các thành viên mới theo quyết định của Hội đồng Viện/Trung tâm/... Danh sách có thể được thay đổi, bổ sung theo các quy định của Điều lệ này. Mỗi lần thay đổi, bổ sung, danh sách được cập nhật và là phần không thể tách rời của Điều lệ này.

## CHƯƠNG II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

**Điều 5. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của Viện/Trung tâm/...:**

*Ghi đúng theo Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ quy định.*

**Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện/Trung tâm/...:**

**1. Chức năng:** nêu rõ chức năng gì (nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đăng ký).

**2. Nhiệm vụ:** nêu các nội dung hoạt động cụ thể để thực hiện chức năng của đơn vị.

*Ví dụ:*

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực ...

- Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ: thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ... trong lĩnh vực ...

**3. Quyền hạn:**

- Tự tổ chức bộ máy, sử dụng nhân lực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

- Tự chủ xây dựng kế hoạch hoạt động.
- Tự chủ ký kết các hợp đồng nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ.
- Tự chủ về tài chính.
- Tự chủ quyết định giá cả các sản phẩm nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ theo thỏa thuận qua hợp đồng.
- Chủ động trong ký kết các hợp đồng, các thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ pháp luật.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC BỘ MÁY**

**Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Viện/Trung tâm/... gồm:**

1. Hội đồng Viện/Trung tâm/... (nếu có)
2. Hội đồng khoa học (nếu có)
3. Ban điều hành (gồm Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Phó Giám đốc/...) và Kế toán trưởng
4. Văn phòng và các Phòng/Ban chức năng
5. Các bộ phận khác (nếu có)

**Điều 8. Hội đồng Viện/Trung tâm/... (nếu có)**

#### **1. Hội đồng Viện/Trung tâm/...**

a) Bao gồm các thành viên sáng lập (ban đầu và có thể được thay đổi, bổ sung) nêu tại Điều 4 của Điều lệ này. Hội đồng Viện/Trung tâm/... là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Viện/Trung tâm/...

b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ không có Hội đồng Viện/Trung tâm/... thì các thành viên sáng lập có các quyền và trách nhiệm như của Hội đồng Viện/Trung tâm/...

#### **2. Quyền của Hội đồng Viện/Trung tâm/...**

a) Quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị như: chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm; bổ sung các thành viên mới của Hội đồng Viện/Trung tâm/...; sửa đổi, bổ sung điều lệ; cơ cấu tổ chức; giải thể.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Viện/Trung tâm/...

c) Quyết định nhân sự Viện trưởng/Giám đốc/...

d) Bổ sung, miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng khoa học theo đề nghị của Viện trưởng/Giám đốc/...

- đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **3. Trách nhiệm của Hội đồng Viện/Trung tâm/...**

- a) Ban hành các quyết định hợp pháp và phù hợp với Điều lệ này.
- b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về các quyết định của mình.

### **4. Cơ chế hoạt động của Hội đồng Viện/Trung tâm/...**

*Quy định cụ thể các trường hợp họp thường kỳ, bất thường, thủ tục chuẩn bị (mời họp, chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp), thành phần tham dự, cơ chế biểu quyết, hình thức và nội dung của biên bản họp...*

### **5. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Viện/Trung tâm/...**

*Quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng chương trình hoạt động của Hội đồng, chủ trì, điều hành các cuộc họp của Hội đồng, ký các quyết định của Hội đồng.*

*Quy định quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc tham gia họp, thảo luận, kiến nghị và biểu quyết; quyền được thông tin và các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật; tuân thủ Điều lệ của đơn vị; chấp hành quyết định của Hội đồng và các nghĩa vụ khác (nếu có).*

### **Điều 9. Hội đồng khoa học (nếu có)**

*Quy định về tiêu chuẩn, thành phần, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên.*

### **Điều 10. Ban Điều hành**

*Quy định cơ chế bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh: Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Giám đốc/..., kế toán trưởng và các trưởng ban/ bộ phận (nếu có).*

*Riêng đối với Viện trưởng/Giám đốc/..., phần trách nhiệm phải ghi rõ:*

*Viện trưởng/Giám đốc/... là người điều hành cao nhất của Viện/Trung tâm/..., chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của Viện/Trung tâm/..., tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các pháp luật có liên quan.*

## **CHƯƠNG IV CƠ SỞ VẬT CHẤT- KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH**

### **Điều 11. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính**

1. Viện/Trung tâm/... có quyền tự chủ về tài chính theo nguyên tắc lấy thu bù chi trên cơ sở tuân thủ các quy định về tài chính của pháp luật.

2. Các nguồn tài chính của Viện/Trung tâm/...

a) Đóng góp của các thành viên;

b) Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu và phát triển;

c) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ;

d) Nguồn thu hợp pháp khác (nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng...).

3. Vốn hoạt động, nguyên tắc tăng, giảm vốn hoạt động.

*Quy định cụ thể tổng số vốn hoạt động, vốn đăng ký, các trường hợp tăng, giảm vốn.*

### **Điều 12. Các nguyên tắc về tài chính khác**

1. Các khoản thu của Viện/Trung tâm/... sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

a) Trả lương, thù lao, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người làm việc trong Viện/Trung tâm/...

b) Mua sắm, thuê các phương tiện vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của đơn vị.

c) Các khoản chi khác theo quy định của Nhà nước.

2. Sau khi hoàn trả các chi phí, hoàn thành các nghĩa vụ, phần thu nhập còn lại sẽ được sử dụng cho các Quỹ (ví dụ: Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, Quỹ dự phòng rủi ro).

3. Năm tài chính của Viện/Trung tâm/... bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **CHƯƠNG V ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC GIẢI THỂ**

### **Điều 13. Điều kiện giải thể**

Viện/Trung tâm/... sẽ phải giải thể trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của người đứng đầu/những người sáng lập/các bên liên kết, hợp tác/Hội đồng Viện/Giám đốc/...

b) Viện/Trung tâm/... không còn đủ điều kiện tối thiểu về nhân lực, vốn đăng ký hoặc diện tích làm việc theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ trong thời hạn 12 tháng liên tục.

c) Bị thu hồi hoặc huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

### **Điều 14. Thủ tục giải thể**



*(Quy định trình tự, thủ tục giải thể thực hiện như đối với giải thể doanh nghiệp).*

Khi tiến hành giải thể, ngoài việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục giải thể quy định tại Điều lệ này, Viện/Trung tâm... đồng thời phải đảm bảo quy định tại Điều 10 của Thông tư về giải thể tổ chức khoa học và công nghệ.

## **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 15. Hiệu lực của Điều lệ**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Viện/Trung tâm/... được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

### **Điều 16. Điều kiện sửa đổi và bổ sung Điều lệ**

1. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, những người sáng lập hoặc Hội đồng Viện/Trung tâm/... sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi.

2. Thể thức họp, thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được gửi cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ để thẩm định sự phù hợp với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

**Phụ lục III**  
**Bảng Danh sách nhân lực**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG DANH SÁCH NHÂN LỰC**

**Tên đầy đủ của tổ chức khoa học và công nghệ:**

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chế độ làm việc		Nơi công tác của người làm việc kiêm nhiệm (nếu có)
					Chính nhiệm	Kiểm nhiệm	

**Ghi chú:** Bảng nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập phải khai thêm cột địa chỉ thường trú hoặc tạm trú, điện thoại liên hệ.

Xác nhận  
 của cơ quan, tổ chức quyết định thành lập  
 hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có)  
 về nội dung bảng Danh sách

....., ngày tháng năm  
 Người đứng đầu tổ chức  
 (ký và ghi rõ họ, tên)

**Phụ lục VI**

**Lý lịch khoa học dùng cho người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

1. Họ và tên:
2. Ngày sinh:                               Giới tính:
3. Quốc tịch:
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:               Điện thoại:               Email:
- Chỗ ở hiện nay (đối với người nước ngoài):
5. Quá trình đào tạo (kể cả các khoá đào tạo ngắn hạn):

Từ . . . . . Đến . . . . .	Ngành, lĩnh vực đào tạo	Nơi đào tạo (Tên trường, nước)

6. Quá trình công tác:

Từ . . . . . Đến . . . . .	Chức vụ (nếu có)	Lĩnh vực chuyên môn	Nơi công tác

7. Trình độ ngoại ngữ: (biết ngoại ngữ gì, mức độ):
8. Những công trình đã công bố: (ghi rõ tên công trình, tác giả hay đồng tác giả, năm công bố, nơi công bố, nhà xuất bản)

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận  
 của cơ quan, tổ chức quyết định thành lập  
 hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có)  
 về nội dung của bản Lý lịch khoa học

. . . . ., ngày tháng năm  
 Người khai  
 (ký và ghi rõ họ, tên)

**Phụ lục VII****Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN  
ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT**

Tên đầy đủ của tổ chức khoa học và công nghệ:

Số TT	Loại cơ sở vật chất - kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá (triệu đồng)	Nguồn				
					Trong nước			Nước ngoài	
					Nhà nước	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Nhà xưởng, thiết bị								
1									
2									
II	Vốn bằng tiền								
1									
2									
...									
<b>Tổng số:</b>					..... đồng				

Xác nhận  
của cơ quan, tổ chức quyết định thành lập  
hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) về  
nội dung bảng Kê khai

....., ngày tháng năm  
Người đứng đầu tổ chức  
(ký và ghi rõ họ, tên)

## **B. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

### **1. Thủ tục Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế**

#### **- Trình tự thực hiện:**

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế không thuộc diện được miễn trừ phải khai báo với cơ quan có thẩm quyền (Trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ trong thời hạn nêu trên)

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (Điều 9 - Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN), bao gồm:

- Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế theo mẫu 06-I/ATBXHN quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 9 - Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN): 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM.

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế theo mẫu 06-I/ATBXHN quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (Điều 8 - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN): Tổ chức, cá nhân có thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế lắp đặt sử dụng trên địa bàn tỉnh hoặc sử dụng di động trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên thì khai báo với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính).

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

\* Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

\* Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Hướng dẫn v/v khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Mẫu 06-I/ATBXHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**PHIẾU KHAI BÁO THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN Y TẾ**

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI BÁO**

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:

**II. ĐẶC TÍNH CỦA THIẾT BỊ**

1. Tên thiết bị:
2. Mã hiệu (Model):
3. Hãng, nước sản xuất:
4. Năm sản xuất:
5. Điện áp cực đại (kV):
6. Dòng cực đại (mA):
7. Mục đích sử dụng:
  - Soi, chụp chẩn đoán tổng hợp
  - Soi chẩn đoán có tăng sáng truyền hình
  - Chụp can thiệp
  - Chụp răng
  - Chụp vú
  - Chụp cắt lớp CT
  - Đo mật độ xương
  - Chụp thú y
  - Mục đích khác (ghi rõ):
8. Cố định hay di động:
  - Cố định
  - Di động
9. Nơi đặt thiết bị cố định (*ghi rõ vị trí phòng đặt thiết bị*):

**III. ĐẦU BÓNG PHÁT TIA X**

1. Mã hiệu (Model):
2. Số sêri (Serial Number):
3. Hãng, nước sản xuất:
4. Năm sản xuất:

## IV. BÀN ĐIỀU KHIỂN

1. Mã hiệu (Model):
2. Số sêri (Serial Number):
3. Hãng, nước sản xuất:

## IV. BỘ PHẬN TẶNG SÁNG (đối với thiết bị tặng sáng truyền hình)

1. Mã hiệu (Model):
2. Số sêri (Serial Number):
3. Hãng, nước sản xuất:

NGƯỜI LẬP PHIẾU  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/  
CÁ NHÂN KHAI BÁO  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



## **II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:**

### **A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**

##### ***- Trình tự thực hiện:***

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

***- Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

##### ***- Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Chương II - Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN), bao gồm:

- Đơn đăng ký hoạt động, mục tiêu, phương hướng, quyết định thành lập, điều lệ tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN.

- Nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 8, Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận

- **Lệ phí**: (sửa đổi, bổ sung theo Điều 2, Thông tư số 187/2009/TT-BTC)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ: 2.000.000 đồng/lần.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh): 300.000 đồng/lần

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** (sửa đổi, bổ sung):

+ Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (Phụ lục I Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục II.a hoặc II.b Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Danh sách nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục III Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Đơn xin làm việc chính nhiệm (Phụ lục IV Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Đơn xin làm việc kiêm nhiệm (Phụ lục V Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Lý lịch khoa học người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ (Phụ lục VI Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật (Phụ lục VII Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN): Tổ chức khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ thể hiện trong hồ sơ đăng ký và được hướng dẫn cụ thể tại các Điều 4, 5 và Điều 6 của Thông tư này.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

\* Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

\* Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

\* Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2009.

\* Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

\* Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

**Phụ lục I****Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ/ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/tp ...

**1. Tên tổ chức:**

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

**2. Trụ sở chính:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

**3. Cơ quan quyết định thành lập:**

Tên cơ quan:

Quyết định thành lập số:      ngày      tháng      năm

*(Hoặc “Biên bản của Hội đồng sáng lập ngày     ”, đối với tổ chức do cá nhân thành lập).*

**4. Người đứng đầu:**

Họ và tên:

Ngày sinh:

Giới tính:

Điện thoại:

Email:

Trình độ đào tạo:

Chức danh khoa học (nếu có):

CMND: số

ngày cấp

nơi cấp

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): số

ngày cấp

nơi cấp

**5. Các lĩnh vực khoa học và công nghệ xin đăng ký hoạt động:** ghi tóm tắt *(căn cứ vào lĩnh vực hoạt động trong quyết định thành lập hoặc điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức).*

**6. Tổng số vốn đăng ký:**

Số tiền:      VN đồng

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ đăng ký hoạt động.

Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, tôi cam đoan hoạt động đúng nội dung trong Giấy chứng nhận, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của tổ chức.

....., ngày tháng năm

Người đứng đầu tổ chức

*(ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục II.a**  
**Nội dung cơ bản của Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**của tổ chức khoa học và công nghệ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

---

Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (*trừ trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập*) phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

**Chương I. Điều khoản chung**

Tên tổ chức khoa học và công nghệ: tên bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài (nếu có).

Trụ sở chính: địa chỉ, điện thoại, fax.

Cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động: Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan...

**Chương II. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn**

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức khoa học và công nghệ phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức chủ quản.

**Chương III. Tổ chức bộ máy**

Cơ cấu tổ chức, thể thức bổ nhiệm và miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của các chức danh trong bộ máy lãnh đạo và các cơ quan khác (Hội đồng sáng lập, Hội đồng Viện/Trung tâm/..., Hội đồng khoa học, Hội đồng cố vấn) của tổ chức khoa học và công nghệ.

**Chương IV. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính**

Quy định về nguồn gốc cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức, nguyên tắc tăng giảm vốn hoạt động và các nguyên tắc về tài chính khác.

**Chương V. Giải thể**

Quy định rõ các điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể.

**Chương VI. Điều khoản thi hành**

Thời gian điều lệ có hiệu lực, điều kiện sửa đổi và bổ sung điều lệ.

**Phụ lục II.b**

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức  
khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN  
ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA . . . (ghi tên tổ chức khoa học và công nghệ)**

- Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09/06/2000;
- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;
- Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Viện/Trung tâm/...

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của Viện/Trung tâm/...**

Viện/Trung tâm/... là tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập, hoạt động theo Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ và các văn bản liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Mục tiêu hoạt động của Viện/Trung tâm/...

**Điều 2. Tư cách pháp nhân của Viện/Trung tâm/...**

**1. Tên:** ghi tên đầy đủ bằng tiếng Việt

*Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)*

*Tên đầy đủ và tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có)*

**2. Trụ sở chính:** ghi địa chỉ, điện thoại, fax và email

Viện/Trung tâm/... có thể mở văn phòng đại diện, chi nhánh khi có nhu cầu. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tuân theo quy định của pháp luật.

**3. Người đại diện theo pháp luật của Viện/Trung tâm/...:** ghi chức danh của người đứng đầu (ví dụ Viện trưởng, Giám đốc)

**5. Vốn của Viện/Trung tâm/...:** ghi rõ vốn đăng ký hoạt động.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Viện/Trung tâm/...**

Viện/Trung tâm/... là tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản riêng bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Viện/Trung tâm/... hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự quản về mọi mặt. Trong hoạt động của mình, Viện/Trung tâm/... tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

**Điều 4. Thành viên sáng lập của Viện/Trung tâm/...**

1. Danh sách Thành viên sáng lập của Viện/Trung tâm/... được liệt kê kèm theo Điều lệ này.

2. Các thành viên sáng lập có thể tạo thành Hội đồng sáng lập. Ngay khi đi vào hoạt động, Hội đồng sáng lập chuyển thành Hội đồng Viện/Trung tâm/...

3. Viện/Trung tâm/... có thể chấp nhận các thành viên mới theo quyết định của Hội đồng Viện/Trung tâm/... Danh sách có thể được thay đổi, bổ sung theo các quy định của Điều lệ này. Mỗi lần thay đổi, bổ sung, danh sách được cập nhật và là phần không thể tách rời của Điều lệ này.

## CHƯƠNG II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

**Điều 5. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của Viện/Trung tâm/...:**

*Ghi đúng theo Danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ quy định.*

**Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện/Trung tâm/...:**

**1. Chức năng:** nêu rõ chức năng gì (nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đăng ký).

**2. Nhiệm vụ:** nêu các nội dung hoạt động cụ thể để thực hiện chức năng của đơn vị.

*Ví dụ:*

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực ...

- Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ: thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ... trong lĩnh vực ...

**3. Quyền hạn:**

- Tự tổ chức bộ máy, sử dụng nhân lực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

- Tự chủ xây dựng kế hoạch hoạt động.

- Tự chủ ký kết các hợp đồng nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tự chủ về tài chính.

- Tự chủ quyết định giá cả các sản phẩm nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ theo thỏa thuận qua hợp đồng.

- Chủ động trong ký kết các hợp đồng, các thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trên cơ sở tuân thủ pháp luật.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### CHƯƠNG III TỔ CHỨC BỘ MÁY

**Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Viện/Trung tâm/... gồm:**

1. Hội đồng Viện/Trung tâm/... (nếu có)
2. Hội đồng khoa học (nếu có)
3. Ban điều hành (gồm Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Phó Giám đốc/...) và Kế toán trưởng
4. Văn phòng và các Phòng/Ban chức năng
5. Các bộ phận khác (nếu có)

**Điều 8. Hội đồng Viện/Trung tâm/... (nếu có)**

#### 1. Hội đồng Viện/Trung tâm/...

a) Bao gồm các thành viên sáng lập (ban đầu và có thể được thay đổi, bổ sung) nêu tại Điều 4 của Điều lệ này. Hội đồng Viện/Trung tâm/... là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Viện/Trung tâm/...

b) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ không có Hội đồng Viện/Trung tâm/... thì các thành viên sáng lập có các quyền và trách nhiệm như của Hội đồng Viện/Trung tâm/...

#### 2. Quyền của Hội đồng Viện/Trung tâm/...

a) Quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị như: chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm; bổ sung các thành viên mới của Hội đồng Viện/Trung tâm/...; sửa đổi, bổ sung điều lệ; cơ cấu tổ chức; giải thể.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Viện/Trung tâm/...

c) Quyết định nhân sự Viện trưởng/Giám đốc/...

d) Bổ sung, miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng khoa học theo đề nghị của Viện trưởng/Giám đốc/...

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 3. Trách nhiệm của Hội đồng Viện/Trung tâm/...

a) Ban hành các quyết định hợp pháp và phù hợp với Điều lệ này.

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về các quyết định của mình.

#### 4. Cơ chế hoạt động của Hội đồng Viện/Trung tâm/...

*Quy định cụ thể các trường hợp họp thường kỳ, bất thường, thủ tục chuẩn bị (mời họp, chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp), thành phần tham dự, cơ chế biểu quyết, hình thức và nội dung của biên bản họp...*

**5. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Viện/Trung tâm/...**



*Quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng trong việc xây dựng chương trình hoạt động của Hội đồng, chủ trì, điều hành các cuộc họp của Hội đồng, ký các quyết định của Hội đồng.*

*Quy định quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc tham gia họp, thảo luận, kiến nghị và biểu quyết; quyền được thông tin và các quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật; tuân thủ Điều lệ của đơn vị; chấp hành quyết định của Hội đồng và các nghĩa vụ khác (nếu có).*

#### **Điều 9. Hội đồng khoa học (nếu có)**

*Quy định về tiêu chuẩn, thành phần, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên.*

#### **Điều 10. Ban Điều hành**

*Quy định cơ chế bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh: Viện trưởng/Giám đốc/..., Phó Viện trưởng/Giám đốc/..., kế toán trưởng và các trưởng ban/ bộ phận (nếu có).*

*Riêng đối với Viện trưởng/Giám đốc/..., phần trách nhiệm phải ghi rõ:*

Viện trưởng/Giám đốc/... là người điều hành cao nhất của Viện/Trung tâm/..., chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của Viện/Trung tâm/..., tuân thủ các quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG IV CƠ SỞ VẬT CHẤT- KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 11. Cơ sở vật chất - kỹ thuật và tài chính**

1. Viện/Trung tâm/... có quyền tự chủ về tài chính theo nguyên tắc lấy thu bù chi trên cơ sở tuân thủ các quy định về tài chính của pháp luật.

2. Các nguồn tài chính của Viện/Trung tâm/...

a) Đóng góp của các thành viên;

b) Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu và phát triển;

c) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ;

d) Nguồn thu hợp pháp khác (nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn vay từ các ngân hàng, tổ chức tín dụng...).

3. Vốn hoạt động, nguyên tắc tăng, giảm vốn hoạt động.

*Quy định cụ thể tổng số vốn hoạt động, vốn đăng ký, các trường hợp tăng, giảm vốn.*

#### **Điều 12. Các nguyên tắc về tài chính khác**

1. Các khoản thu của Viện/Trung tâm/... sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

a) Trả lương, thù lao, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người làm việc trong Viện/Trung tâm/...

b) Mua sắm, thuê các phương tiện vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của đơn vị.

c) Các khoản chi khác theo quy định của Nhà nước.

2. Sau khi hoàn trả các chi phí, hoàn thành các nghĩa vụ, phần thu nhập còn lại sẽ được sử dụng cho các Quỹ (ví dụ: Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, Quỹ dự phòng rủi ro).

3. Năm tài chính của Viện/Trung tâm/... bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **CHƯƠNG V ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC GIẢI THỂ**

### **Điều 13. Điều kiện giải thể**

Viện/Trung tâm/... sẽ phải giải thể trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của người đứng đầu/những người sáng lập/các bên liên kết, hợp tác/Hội đồng Viện/Giám đốc/...

b) Viện/Trung tâm/... không còn đủ điều kiện tối thiểu về nhân lực, vốn đăng ký hoặc diện tích làm việc theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ trong thời hạn 12 tháng liên tục.

c) Bị thu hồi hoặc huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

### **Điều 14. Thủ tục giải thể**

*(Quy định trình tự, thủ tục giải thể thực hiện như đối với giải thể doanh nghiệp).*

Khi tiến hành giải thể, ngoài việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục giải thể quy định tại Điều lệ này, Viện/Trung tâm... đồng thời phải đảm bảo quy định tại Điều 10 của Thông tư về giải thể tổ chức khoa học và công nghệ.

## **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 15. Hiệu lực của Điều lệ**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Viện/Trung tâm/... được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

### **Điều 16. Điều kiện sửa đổi và bổ sung Điều lệ**

1. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, những người sáng lập hoặc Hội đồng Viện/Trung tâm/... sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi.

2. Thẻ thức họp, thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được gửi cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ để thẩm định sự phù hợp với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

**Phụ lục III**  
**Bảng Danh sách nhân lực**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG DANH SÁCH NHÂN LỰC**

**Tên đầy đủ của tổ chức khoa học và công nghệ:**

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Chế độ làm việc		Nơi công tác của người làm việc kiêm nhiệm (nếu có)
					Chính nhiệm	Kiểm nhiệm	

**Ghi chú:** Bảng nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ do cá nhân thành lập phải khai thêm cột địa chỉ thường trú hoặc tạm trú, điện thoại liên hệ.

Xác nhận  
 của cơ quan, tổ chức quyết định thành lập  
 hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có)  
 về nội dung bảng Danh sách

....., ngày tháng năm  
 Người đứng đầu tổ chức  
 (ký và ghi rõ họ, tên)

**Phụ lục IV****Đơn xin làm việc chính nhiệm**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN  
ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN LÀM VIỆC CHÍNH NHIỆM**

**Kính gửi:** ... (ghi tên tổ chức khoa học và công nghệ nơi xin làm việc chính nhiệm)

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Giới tính:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Trình độ và chuyên ngành đào tạo:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức và hoạt động của ..., tôi thấy khả năng, trình độ và điều kiện của mình phù hợp với vị trí làm việc chính nhiệm.

Vậy tôi làm đơn này xin được làm việc chính nhiệm và cam kết chỉ làm việc chính nhiệm tại .... kể từ khi tổ chức bắt đầu hoạt động.

Nếu được chấp nhận, tôi xin hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh mọi nội quy, quy chế của tổ chức và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

....., ngày tháng năm

**Người viết đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

\* **Ghi chú:** đối với trường hợp người viết đơn đang làm việc chính nhiệm tại một cơ quan, tổ chức khác, phải khai rõ nơi đang làm việc và cam kết sẽ chấm dứt làm việc chính nhiệm tại cơ quan, tổ chức đó kể từ thời điểm tổ chức khoa học và công nghệ (nơi viết đơn xin làm việc chính nhiệm) bắt đầu hoạt động.

**Phụ lục V**  
**Đơn xin làm việc kiêm nhiệm**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN LÀM VIỆC KIÊM NHIỆM**

**Kính gửi:** ... (ghi tên tổ chức khoa học và công nghệ nơi xin làm việc kiêm nhiệm)

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Giới tính:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Trình độ và chuyên ngành đào tạo:

Hiện đang làm việc theo chế độ chính nhiệm tại ... (nếu có).

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức và hoạt động của ... , tôi thấy khả năng, trình độ và điều kiện của mình phù hợp với vị trí làm việc kiêm nhiệm.

Vậy tôi làm đơn này xin được làm việc kiêm nhiệm tại ... Nếu được chấp nhận, tôi xin hứa sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

....., ngày tháng năm

**Người viết đơn**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**\* Ghi chú:** đối với trường hợp người viết đơn đang làm việc chính nhiệm tại một cơ quan, tổ chức khác, phải kèm theo văn bản của thủ trưởng cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý đồng ý cho làm việc kiêm nhiệm.



**Phụ lục VII**  
**Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN*  
*ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT**

Tên đầy đủ của tổ chức khoa học và công nghệ:

Số TT	Loại cơ sở vật chất - kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Trị giá (triệu đồng)	Nguồn				
					Trong nước			Nước ngoài	
					Nhà nước	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Nhà xưởng, thiết bị								
1									
2									
II	Vốn bằng tiền								
1									
2									
...									
<b>Tổng số:</b>					..... đồng				

Xác nhận  
 của cơ quan, tổ chức quyết định thành lập  
 hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) về  
 nội dung bảng Kê khai

....., ngày tháng năm  
 Người đứng đầu tổ chức  
 (ký và ghi rõ họ, tên)

**Phụ lục XII****Báo cáo tình hình hoạt động khoa học và công nghệ năm ...**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH&CN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN TỔ CHỨC KH&CN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...****1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:****2. Người đứng đầu:**

Họ và tên: Năm sinh: Trình độ đào tạo: Điện thoại:

**3. Cơ quan quyết định thành lập *(nếu có)*:****4. Cơ quan quản lý trực tiếp *(nếu có)*:****5. Trụ sở làm việc:**

a) Địa chỉ:

b) Điện thoại: Fax: Email:

**6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:**

(\* Ghi rõ số, ngày cấp các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN lần đầu, các lần thay đổi, bổ sung, gia hạn)

**7. Văn phòng đại diện/Chi nhánh *(nếu có)***

a) Địa chỉ:

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: *(ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp)***8. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:**a) Khoa học Xã hội và nhân văn  b) Khoa học Tự nhiên c) Khoa học Kỹ thuật và công nghệ  d) Khoa học Nông nghiệp đ) Khoa học Y dược **9. Nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ:***Đơn vị: người*

TT	Phân loại nhân lực	Chế độ làm việc		Giới tính		Độ tuổi		
		Chính nhiệm	Kiểm nhiệm	Nam	Nữ	≤45	> 45 và ≤ 60	Trên 60
1	TS							
2	ThS							
3	ĐH, CD							
5	Khác							
	<b>Tổng số</b>							



**10. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:**a) Tổng số vốn đăng ký, *triệu đồng*:b) Tổng số vốn tại thời điểm hiện tại, *triệu đồng (tạm tính)*:


**11. Tình hình tài chính của đơn vị:***Đơn vị: triệu đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng kinh phí chi thường xuyên <i>(bao gồm: lương và hoạt động bộ máy; nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên theo chức năng (nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở))</i>	
2	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp Nhà nước và cấp Bộ	
3	Tổng kinh phí thu sự nghiệp <i>(thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh)</i>	
4	Tổng doanh thu	
5	Số tiền nộp thuế	
6	Thu nhập bình quân tháng của cán bộ, công nhân viên	

**12. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:****a) Bảng tổng hợp:**

TT	Nội dung	Số lượng
1	Đề tài, dự án thực hiện	
2	Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	
3	Các hoạt động khác	
4	Bằng sáng chế độc quyền được cấp	
5	Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	
6	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	
7	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	

b) Bảng chi tiết: (kê khai tối đa 10 đề tài, dự án hoặc hợp đồng dịch vụ KH&CN)

\* Các đề tài, dự án KH&CN chính thực hiện trong năm:

TT	Tên đề tài, dự án	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Kinh phí (tr. đồng)	Nguồn kinh phí	Kết quả (công nghệ, sản phẩm...)

\* Các hợp đồng dịch vụ KH&CN chính thực hiện trong năm:

TT	Tên Hợp đồng	Loại hình dịch vụ KH&CN					Giá trị HD (tr. đồng)	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Đối tác ký HD
		Chuyên gia công nghệ	Dịch vụ kỹ thuật	Tư vấn	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Khác			

\* Các hoạt động khác của đơn vị trong thời gian qua:

**13. Khó khăn, thuận lợi trong hoạt động của đơn vị:**

**14. Kiến nghị:**

..., ngày tháng năm  
 Người đứng đầu tổ chức  
 (ký tên và đóng dấu)

## **2. Thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ (trong trường hợp bị mất, rách, nát)**

### **- Trình tự thực hiện:**

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Điều 8 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN) , bao gồm:

\* Trường hợp mất Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH-CN:

+ Văn bản của người đứng đầu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

+ Xác nhận của cơ quan công an.

+ Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.

\* Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH-CN bị rách, nát:

+ Văn bản của người đứng đầu đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

+ Bản chính Giấy chứng nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí:** (Điều 2, Thông tư số 187/2009/TT-BTC)

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh): 300.000 đồng/lần

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Trường hợp mất giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ phải khai báo với cơ quan Công an nơi mất, Sở Khoa học và Công nghệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo nếu tổ chức không tìm được giấy chứng nhận thì lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

\* Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

\* Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ

\* Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

## **B. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

### **1. Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ**

#### **- Trình tự thực hiện:**

\* **Bước 1:** Cơ sở y tế/cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định.

\* **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp Biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* **Bước 4:** Sở Khoa học và Công nghệ đi thẩm định an toàn bức xạ tại cơ sở y tế (nếu cần) và lập Biên bản thẩm định:

+ Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang tại cơ sở y tế đã đạt yêu cầu về an toàn bức xạ thì sẽ hẹn cơ sở tới nhận Giấy phép.

+ Trường hợp không đạt yêu cầu thì lập Biên bản đề nghị cơ sở sửa chữa, khi hoàn tất thì báo lại cho Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định lại.

\* **Bước 5:** Cơ sở y tế/cá nhân đến nhận Giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Điều 11 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (theo mẫu)

+ Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và Người phụ trách an toàn bức xạ (theo mẫu)

+ Phiếu khai báo thiết bị X-quang (theo mẫu)

+ Báo cáo đánh giá an toàn (theo mẫu)

+ Bản sao: Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề; Chứng chỉ Nhân viên bức xạ của người phụ trách an toàn; Hợp đồng xác định liều bức xạ cá nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Điều 77, Khoản 2b Luật Năng lượng nguyên tử)

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí:** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 76/2010/TT-BTC)

+ Phí thẩm định an toàn bức xạ:

- Thiết bị chụp răng, vú, di động: 1.500.000 đồng/thiết bị

- Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường, đo mật độ xương: 2.000.000 đồng/thiết bị

- Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 4.000.000 đồng/thiết bị

- Thiết bị X-quang CT scanner: 6.000.000 đồng/thiết bị

- Hệ thiết bị X-quang PET/CT: 12.000.000 đồng/thiết bị

+ Lệ phí cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ: 100.000 đồng/giấy phép.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN)

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mẫu 01-II/ATBXHN)

+ Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn bức xạ (Mẫu 01-I/ATBXHN)

+ Phiếu khai báo thiết bị X-quang (Mẫu 06-I/ATBXHN)

+ Báo cáo đánh giá an toàn (Mẫu 02-III/ATBXHN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

- **Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính** (sửa đổi, bổ sung):

---

\* Luật Năng lượng nguyên tử, số 18/2008-QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

\* Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

\* Quyết định số 32/2007/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về việc kiểm tra thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.

\* Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ**  
**(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)**

Kính gửi: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH**

**1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép (\*):** .....

.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

**2. Người đứng đầu tổ chức** (người đại diện theo pháp luật):

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Số giấy CMND/Hộ chiếu:.....

**3. Đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ:**

Tên công việc bức xạ: .....

Nơi tiến hành công việc bức xạ: .....

**4. Các tài liệu kèm theo:**

.....

.....

Tôi cam đoan các khai báo là đúng sự thật, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và các điều kiện ghi trong giấy phép.

*TP. HCM, ngày ..... tháng ..... năm.....*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

(\*): Là cá nhân có GP kinh doanh hay tổ chức có Quyết định thành lập



Mẫu 01-I/ATBXHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU KHAI BÁO NHÂN VIÊN BỨC XẠ**

**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI BÁO**

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

**II. NGƯỜI PHỤ TRÁCH AN TOÀN:**

1. Họ và tên: ..... nam  nữ
2. Ngày tháng năm sinh:.....
3. Số CMND/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
4. Trình độ nghiệp vụ:.....
5. Phòng/ khoa đang làm việc: .....ĐT: .....
6. Quyết định bổ nhiệm là Phụ trách an toàn:  
Số ..... Ngày ký:.....
7. Giấy chứng nhận đào tạo về ATBX: số:.....Ngày cấp:.....  
Cơ quan cấp:.....
8. Chứng chỉ Nhân viên bức xạ: số:.....Ngày cấp:.....  
Cơ quan cấp:.....

III. NHÂN VIÊN BỨC XẠ KHÁC: Tổng số .....nhân viên

TT	Họ tên	Năm sinh	Giới tính	Đào tạo ATBX	Chuyên môn	Công việc đảm nhiệm	Nơi l/v khác có tiếp xúc bức xạ
1							
2							

NGƯỜI LẬP PHIẾU  
(ký, ghi rõ họ tên)

TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm .....  
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU KHAI BÁO THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN Y TẾ**  
**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI BÁO**

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

**II. ĐẶC TÍNH CỦA THIẾT BỊ:**

Tên thiết bị: ..... Điện áp cực đại (kV) .....

Mã hiệu (Model): ..... Dòng cực đại (mA/mAs): .....

Hãng/nước SX: ..... Năm SX: .....

- Cố định hay di động: Cố định  Di động
- Nơi đặt thiết bị cố định (*ghi rõ vị trí phòng*):.....

- Mục đích sử dụng:

Soi, chụp chẩn đoán TH <input type="checkbox"/>	Soi có tăng sáng truyền hình <input type="checkbox"/>
Chụp can thiệp <input type="checkbox"/>	Chụp thú y <input type="checkbox"/>
Chụp răng <input type="checkbox"/>	Chụp nhũ ảnh <input type="checkbox"/>
Chụp cắt lớp CT <input type="checkbox"/>	Chụp loãng xương <input type="checkbox"/>

**III. ĐẦU BÓNG PHÁT TIA X:**

Mã hiệu (Model): ..... Hãng/nước SX: .....

Số serial: ..... Năm SX: .....

**IV. BÀN ĐIỀU KHIỂN:**

Mã hiệu (Model): ..... Hãng SX:.....

Số serial: ..... Nước SX:.....

NGƯỜI LẬP PHIẾU  
(ký, ghi rõ họ tên)

TP. HCM, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ AN TOÀN**  
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

**1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép** .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

- Địa chỉ nơi tiến hành công việc bức xạ: .....

- Tên người đứng đầu tổ chức: .....ĐT: .....

- Tên Lãnh đạo được phân công quản lý an toàn: .....

**2. Tổ chức quản lý an toàn bức xạ:**- Sơ đồ vị trí các phòng trực tiếp tiến hành công việc bức xạ trong cơ sở (*kèm theo*)- Nêu quan điểm và cam kết trong việc bảo đảm an toàn bức xạ:  
.....

- Liệt kê các văn bản QPPL được sử dụng làm căn cứ để quản lý ATBX có tại cơ sở:

1. ....

2. ....

**3. Các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ:**- Mô tả cách lập hồ sơ quản lý các thiết bị X-quang (*tên bộ phận có trách nhiệm quản lý, Có quy định về kiểm kê, kiểm tra định kỳ chất lượng thiết bị không?*):  
.....  
.....- Mô tả biện pháp bảo vệ chống chiếu ngoài (*biện pháp kiểm soát người ra vào phòng X-quang: kiểm soát hành chính, có biển/tín hiệu cảnh báo; Mô tả thiết kế che chắn bức xạ các phòng; Liệt kê các trang thiết bị bảo hộ cá nhân chống bức xạ hiện có; Có Quy trình chụp và biện pháp bảo vệ khi sử dụng thiết bị X-quang di động không? Có Quy trình sửa chữa/bảo dưỡng thiết bị không?*)  
.....  
.....**4. Kiểm soát liều chiếu xạ nghề nghiệp và sức khỏe NVBX:**Nêu quy định nội bộ về sử dụng liều kế cá nhân (*tần suất đánh giá liều; Tên đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá liều; Cách thức quản lý hồ sơ liều chiếu xạ cá nhân của NVBX; Có Quy định thông báo kết quả đánh giá liều cho NVBX biết không?*)  
.....  
.....- Liệt kê danh sách NVBX được đánh giá liều chiếu xạ cá nhân (*kèm theo*).

- Liệt kê danh sách NVBX đã được khám sức khỏe khi lập hồ sơ đề nghị cấp phép.

**5. Bảo đảm an toàn bức xạ đối với bệnh nhân:**- Nêu Nội quy an toàn bức xạ đối với bệnh nhân (*không tự động đi vào phòng X-quang, chụp có chỉ định của bác sĩ, được che chắn cần thiết khi chụp....*):

.....  
.....  
- Quy định về kiểm tra chất lượng thiết bị X-quang (*nêu tần suất kiểm tra, tên đơn vị kiểm tra chất lượng hàng năm, bộ phận lưu giữ các kết quả kiểm tra...*).  
.....  
.....

6. Các tài liệu kèm theo:

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể khu vực sử dụng thiết bị X-quang
- Bản vẽ thiết kế XD các phòng đặt máy X-quang
- Bản sao Quyết định bổ nhiệm người phụ trách ATBX
- Bản sao Nội quy ATBX.
- Bản sao Quy trình sử dụng thiết bị X-quang.
- Bản sao Biên bản đo kiểm tra an toàn bức xạ các phòng đặt thiết bị
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra từng thiết bị X-quang.
- Bản sao Kế hoạch ứng phó sự cố.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC**  
(*ký tên và đóng dấu*)

## **2. Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ**

### **- Trình tự thực hiện:**

\* Bước 1: Cơ sở y tế/cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định.

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp Biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Sở Khoa học và Công nghệ đi thẩm định an toàn bức xạ (nếu cần) tại cơ sở y tế và lập Biên bản thẩm định:

+ Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang tại cơ sở y tế đã đạt yêu cầu về an toàn bức xạ thì sẽ hẹn cơ sở tới nhận Giấy phép.

+ Trường hợp không đạt yêu cầu thì lập Biên bản đề nghị cơ sở sửa chữa, khi hoàn tất thì báo lại cho Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định lại.

\* Bước 5: Cơ sở y tế/cá nhân đến nhận Giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Điều 26 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (theo mẫu)

+ Phiếu khai báo nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn mới so với hồ sơ trước

+ Báo cáo đánh giá an toàn (theo mẫu).

+ Bản sao Giấy phép sắp hết hạn

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**Thời hạn giải quyết:** 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Khoản 2b Điều 77, Luật Năng lượng nguyên tử)

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 76/2010/TT-BTC):

+ Phí thẩm định an toàn bức xạ: bằng 75% mức thu phí thẩm định an toàn bức xạ cấp giấy phép mới

+ Lệ phí gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ: 100.000 đồng/giấy phép.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mẫu 06-II/ATBXHN).

+ Báo cáo đánh giá an toàn (Mẫu 02-III/ATBXHN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

- **Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:**

\* Luật Năng lượng nguyên tử, số 18/2008-QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

\* Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

\* Quyết định số 32/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về việc kiểm tra thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.

\* Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Mẫu 06-II/ATBXHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP**  
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

Kính gửi: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH**

**1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép:** .....

.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....

**2. Tên người đứng đầu tổ chức:** .....

Chức vụ:.....

Số CMND/Hộ chiếu:.....

**3. Giấy phép đề nghị gia hạn: Số:**.....**Ngày cấp:**.....

Có thời hạn đến ngày:.....

**4. Các tài liệu kèm theo:**

-.....

-.....

-.....

Tôi cam đoan các khai báo là đúng sự thật, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và các điều kiện ghi trong giấy phép.

*TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.....*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ AN TOÀN**  
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

**1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép** .....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại: .....Fax:.....Email:.....

- Địa chỉ nơi tiến hành công việc bức xạ:.....

- Tên người đứng đầu tổ chức:.....ĐT:.....

- Tên Lãnh đạo được phân công quản lý an toàn:.....

**2. Tổ chức quản lý an toàn bức xạ:**

- Sơ đồ vị trí các phòng trực tiếp tiến hành công việc bức xạ trong cơ sở (*kèm theo*)

- Nêu quan điểm và cam kết trong việc bảo đảm an toàn bức xạ:

.....

- Liệt kê các văn bản QPPL được sử dụng làm căn cứ để quản lý ATBX có tại cơ sở:

1.....

2.....

**3. Các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ:**

- Mô tả cách lập hồ sơ quản lý các thiết bị X-quang (*tên bộ phận có trách nhiệm quản lý, Có quy định về kiểm kê, kiểm tra định kỳ chất lượng thiết bị không?*):

.....

- Mô tả biện pháp bảo vệ chống chiếu ngoài (*biện pháp kiểm soát người ra vào phòng X-quang: kiểm soát hành chính, có biển/tín hiệu cảnh báo; Mô tả thiết kế che chắn bức xạ các phòng; Liệt kê các trang thiết bị bảo hộ cá nhân chống bức xạ hiện có; Có Quy trình chụp và biện pháp bảo vệ khi sử dụng thiết bị X-quang di động không? Có Quy trình sửa chữa/bảo dưỡng thiết bị không?*)

.....

**4. Kiểm soát liều chiếu xạ nghề nghiệp và sức khỏe NVBX:**

Nêu quy định nội bộ về sử dụng liều kế cá nhân (*tần suất đánh giá liều; Tên đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá liều; Cách thức quản lý hồ sơ liều chiếu xạ cá nhân của NVBX; Có Quy định thông báo kết quả đánh giá liều cho NVBX biết không?*)

.....

- Liệt kê danh sách NVBX được đánh giá liều chiếu xạ cá nhân (*kèm theo*).

- Liệt kê danh sách NVBX đã được khám sức khỏe khi lập hồ sơ đề nghị cấp phép.

**5. Bảo đảm an toàn bức xạ đối với bệnh nhân:**

- Nêu Nội quy an toàn bức xạ đối với bệnh nhân (*không tự động đi vào phòng X-quang, chụp có chỉ định của bác sĩ, được che chắn cần thiết khi chụp....*):



.....  
.....  
- Quy định về kiểm tra chất lượng thiết bị X-quang (*nêu tần suất kiểm tra, tên đơn vị kiểm tra chất lượng hàng năm, bộ phận lưu giữ các kết quả kiểm tra...*).  
.....  
.....

6. Các tài liệu kèm theo:

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể khu vực sử dụng thiết bị X-quang
- Bản vẽ thiết kế XD các phòng đặt máy X-quang
- Bản sao Quyết định bổ nhiệm người phụ trách ATBX
- Bản sao Nội quy ATBX.
- Bản sao Quy trình sử dụng thiết bị X-quang.
- Bản sao Biên bản đo kiểm tra an toàn bức xạ các phòng đặt thiết bị
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra từng thiết bị X-quang.
- Bản sao Kế hoạch ứng phó sự cố.

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC**  
(*ký tên và đóng dấu*)

### **3. Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ**

#### ***- Trình tự thực hiện:***

\* **Bước 1:** Cơ sở y tế/cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định.

\* **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp Biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* **Bước 4:** Cơ sở y tế/cá nhân đến nhận Giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

***- Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

***- Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Điều 27, Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ (theo mẫu)

+ Văn bản xác nhận thông tin cần sửa đổi

+ Bản gốc Giấy phép cần sửa đổi

d) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***- Thời hạn giải quyết*** (Điều 27, Khoản 4 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN): 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

***- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Cá nhân, tổ chức

***- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 76/2010/TT-BTC):

+ Lệ phí sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ: 100.000 đồng/giấy phép.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mẫu 07-II/ATBXHN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

- **Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:**

\* Luật Năng lượng nguyên tử, số 18/2008-QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

\* Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

\* Quyết định số 32/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành quy định về việc kiểm tra thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.

\* Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP**  
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

Kính gửi: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH**

**1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị bổ sung, sửa đổi giấy phép:** .....

.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**2. Họ và tên người đứng đầu tổ chức:** .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu: .....

**3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép:** Số: ..... Ngày cấp: .....

Có thời hạn đến ngày: .....

**4. Các nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi:**

- .....

- .....

**5. Các tài liệu kèm theo:**

- .....

- .....

- .....

Tôi cam đoan các khai báo là đúng sự thật, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và các điều kiện ghi trong giấy phép.

*TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.....*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

#### **4. Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ**

##### ***- Trình tự thực hiện:***

\* **Bước 1:** Cơ sở y tế/cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định.

\* **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp Biên nhận.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* **Bước 4:** Cơ sở y tế/cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Điều 28, Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (theo mẫu)

+ Bản chính Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (trường hợp Giấy phép bị rách nát) hoặc xác nhận của Công an về việc khai báo mất Giấy phép (trường hợp mất Giấy phép).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết** (Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN): 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 76/2010/TT-BTC):

+ Lệ phí cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ: 100.000 đồng/giấy phép.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN):

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Mẫu 08-II/ATBXHN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

- **Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:**

\* Luật Năng lượng nguyên tử, số 18/2008-QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

\* Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

\* Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Mẫu 08-II/ATBXHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP**  
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

Kính gửi: **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH**

**1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:** .....

.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

**2. Họ và tên người đứng đầu tổ chức:** .....

Chức vụ: .....

Số CMND/Hộ chiếu:.....

**3. Giấy phép đề nghị cấp lại:**

Số:..... cấp ngày:.....

Có thời hạn đến ngày: .....

**4. Lý do đề nghị cấp lại:**

Bị mất

Lý do khác.....

Bị rách, nát

.....

**5. Các tài liệu kèm theo:**

- .....

Tôi cam đoan các khai báo là đúng sự thật, bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và các điều kiện ghi trong giấy phép.

TP.HCM, ngày ..... tháng ..... năm.....

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký tên và đóng dấu)

### **III. Thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh:**

#### **A. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung ghi trên Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ (trừ trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ thay đổi cơ quan quyết định thành lập hoặc thay đổi trụ sở chính - chuyển sang tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký hoạt động)**

***- Trình tự thực hiện:***

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

***- Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

***- Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ (Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 02/2010/TT-BKH-CN), bao gồm:

- Công văn của người đứng đầu tổ chức: ghi rõ nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung.

- Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi, bổ sung tương ứng, cụ thể như sau:

+ Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, của một bên hợp tác, liên kết được ủy quyền hoặc biên bản của những người sáng lập về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.



+ Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, của một bên hợp tác, liên kết được ủy quyền hoặc biên bản của những người sáng lập về việc đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Bản sao quyết định đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp hoặc thay đổi cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ (có chứng thực hợp pháp).

+ Hồ sơ của người đứng đầu (theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Hồ sơ về vốn đăng ký (theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

+ Hồ sơ về trụ sở chính (theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN).

- Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức theo mẫu quy định tại phụ lục XII kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN tính đến thời điểm đăng ký thay đổi, bổ sung.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 8, Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận

- **Lệ phí**: (Điều 2, Thông tư số 187/2009/TT-BTC)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ: 500.000 đồng/lần.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh): 300.000 đồng/lần

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức theo mẫu quy định tại phụ lục XII kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKHCN tính đến thời điểm đăng ký thay đổi, bổ sung

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Khi đăng ký thay đổi, bổ sung một trong các nội dung ghi trên Giấy chứng nhận, tổ chức khoa học và công nghệ vẫn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu tương ứng được quy định tại các điều 4, 5 và Điều 6 của Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

\* Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

\* Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

**Phụ lục XII****Báo cáo tình hình hoạt động khoa học và công nghệ năm ...***(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH&CN**ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN TỔ CHỨC KH&CN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...****1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:****2. Người đứng đầu:**

Họ và tên: Năm sinh: Trình độ đào tạo: Điện thoại:

**3. Cơ quan quyết định thành lập (nếu có):****4. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):****5. Trụ sở làm việc:**

a) Địa chỉ:

b) Điện thoại: Fax: Email:

**6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:**

(\* Ghi rõ số, ngày cấp các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN lần đầu, các lần thay đổi, bổ sung, gia hạn)

**7. Văn phòng đại diện/Chi nhánh (nếu có)**

a) Địa chỉ:

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: (ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp)

**8. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:**

a) Khoa học Xã hội và nhân văn  b) Khoa học Tự nhiên

c) Khoa học Kỹ thuật và công nghệ  d) Khoa học Nông nghiệp

đ) Khoa học Y dược

**9. Nhân lực của tổ chức khoa học và công nghệ:**

Đơn vị: người

TT	Phân loại nhân lực	Chế độ làm việc		Giới tính		Độ tuổi		
		Chính nhiệm	Kiểm nhiệm	Nam	Nữ	≤45	> 45 và ≤ 60	Trên 60
1	TS							
2	ThS							

3	ĐH, CĐ							
5	Khác							
	<b>Tổng số</b>							

**10. Cơ sở vật chất - kỹ thuật:**

a) Tổng số vốn đăng ký, triệu đồng:

--

b) Tổng số vốn tại thời điểm hiện tại, triệu đồng (tạm tính):

--

**11. Tình hình tài chính của đơn vị:**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng kinh phí chi thường xuyên (bao gồm: lương và hoạt động bộ máy; nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên theo chức năng (nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở))	
2	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp Nhà nước và cấp Bộ	
3	Tổng kinh phí thu sự nghiệp (thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh)	
4	Tổng doanh thu	
5	Số tiền nộp thuế	
6	Thu nhập bình quân tháng của cán bộ, công nhân viên	

**12. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu của đơn vị:**

a) Bảng tổng hợp:

TT	Nội dung	Số lượng
1	Đề tài, dự án thực hiện	
2	Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	
3	Các hoạt động khác	
4	Bằng sáng chế độc quyền được cấp	

5	Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	
6	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	
7	Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	

b) Bảng chi tiết: (kê khai tối đa 10 đề tài, dự án hoặc hợp đồng dịch vụ KH&CN)

\* Các đề tài, dự án KH&CN chính thực hiện trong năm:

TT	Tên đề tài, dự án	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Kinh phí (tr. đồng)	Nguồn kinh phí	Kết quả (công nghệ, sản phẩm...)

\* Các hợp đồng dịch vụ KH&CN chính thực hiện trong năm:

TT	Tên Hợp đồng	Loại hình dịch vụ KH&CN					Giá trị HD (tr. đồng)	Thời gian thực hiện (từ ... đến ...)	Đối tác ký HD
		Chuyển giao công nghệ	Dịch vụ kỹ thuật	Tư vấn	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ	Khác			

\* Các hoạt động khác của đơn vị trong thời gian qua:

**13. Khó khăn, thuận lợi trong hoạt động của đơn vị:**

**14. Kiến nghị:**

..., ngày tháng năm  
 Người đứng đầu tổ chức  
 (ký tên và đóng dấu)

## **2. Thủ tục đăng ký thay đổi cơ quan quyết định thành lập hoặc trụ sở chính hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**

### ***- Trình tự thực hiện:***

\* Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

\* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

\* Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.

\* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (số 244 đường Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30);

Ghi chú: Thông tin về Giấy chứng nhận cũ (số, ngày và cơ quan cấp) được ghi trên Giấy chứng nhận mới để đảm bảo tính liên tục hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

***- Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

***- Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN), bao gồm:

- Văn bản của người đứng đầu đề nghị thay đổi nội dung tương ứng.

- Hồ sơ đăng ký hoạt động như đối với tổ chức đăng ký lần đầu theo quy định tại các điều 4, 5 và Điều 6 của Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN.

- Bản sao Giấy chứng nhận đã được cấp trước đây (có chứng thực hợp pháp).

- Văn bản xác nhận của cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận trước đây.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

***- Thời hạn giải quyết*** (Điều 8, Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí:** (Điều 2, Thông tư số 187/2009/TT-BTC)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ: 1.000.000 đồng/lần.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (áp dụng chung cho tất cả các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc văn phòng đại diện, chi nhánh): 300.000 đồng/lần

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

\* Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

\* Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ,

\* Thông tư số 187/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng